

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2025- 2026

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Trẻ ăn bán trú 100%, ăn 2 bữa chính 1 bữa phụ, công tác VSATTP đảm bảo tốt, trẻ được khám SK định kỳ và chăm biểu đồ chiều cao cân nặng. Trẻ cân nặng bình thường và chiều cao bình thường đạt 100%. 100% trẻ học 2 buổi/ngày trẻ đi học chuyên cần đạt 97%, thực hiện đúng chương trình GDMN theo quy định. Kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ đạt loại tốt.	Trẻ ăn bán trú 100%, ăn 1 bữa chính và 2 bữa phụ, đảm bảo tốt công tác VSATTP, chất lượng bữa ăn, 100 trẻ được khám SK định kỳ và theo dõi chăm biểu đồ tăng trưởng. Trẻ cân nặng bình thường và chiều cao bình thường đạt: 98,75% , 100% trẻ học 2 buổi/ngày, trẻ đi học chuyên cần đạt 98%, thực hiện tốt chương trình GDMN theo quy định. Kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ đạt loại tốt.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện 100% chương trình GDMN (Ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TT GDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình GDMN . ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT)	Thực hiện 100% chương trình GDMN (Ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TTGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT)
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	Lĩnh vực phát triển thể chất: Đạt 90%; Lĩnh vực phát triển nhận thức: Đạt 87%; Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: Đạt 90%; Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ Đạt 85%	Lĩnh vực phát triển thể chất: Đạt 90%; Lĩnh vực phát triển nhận thức Đạt 97%; Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ Đạt 95%; Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ Đạt 97%; Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội: Đạt 97%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Phối hợp cùng cha mẹ học sinh và cộng đồng trong công tác giáo dục trẻ làm trung tâm. Tuyên truyền tới các bậc cha mẹ và cộng đồng về kiến thức nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ theo khoa học	Phối hợp cùng cha mẹ học sinh và cộng đồng trong công tác giáo dục trẻ làm trung tâm. Tuyên truyền tới các bậc cha mẹ và cộng đồng về kiến thức nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ theo khoa học.

Mỹ Lộc, ngày 31 tháng 5 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị
TRƯỜNG
MẦM NON
MỸ HƯNG
Đào Thị Xuyên

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	369		14	85	81	90	99
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	369		14	85	81	90	99
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	369		14	85	81	90	99
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	369		14	85	81	90	99
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	369		14	85	81	90	99
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	369		14	85	81	90	99
1	Số trẻ cân nặng bình thường	365		14	85	81	90	99
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	4		0	0	1	2	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	359		14	84	76	86	99
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	7		0	0	5	2	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	3		0	1		2	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	369		14	85	81	90	99
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	99		14	85			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	270				81	90	99

Mỹ Lộc, ngày 31 tháng 5 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị
TRƯỜNG
MẦM NON
MỸ HƯNG
Đào Thị Xuyên

**UBND PHƯỜNG MỸ LỘC
TRƯỜNG MẦM NON MỸ HƯNG**

Biểu mẫu 03

THÔNG BÁO

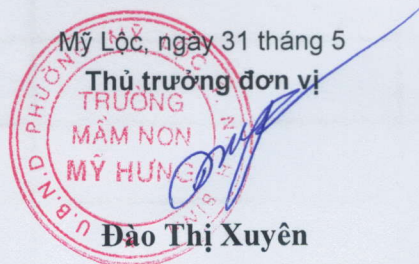
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2025- 2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	27	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	16	2,08
1	Phòng học kiên cố	16	2,08
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	8370	22,6
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2000	5,4
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	768	2,08
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	124	0,34
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	170	0,46
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	100	0,27
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	300	0,81
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	165	0,44
VII	đồ chơi tối thiểu (Đơn vị)	16	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	16	16
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	8	8
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	2	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	17	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối	7	
1	...		

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	5	6	0,36	222
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	vệ sinh	2	
XIII	riêng)	0	
XIV	Kết nối internet	2	
XV	(website) của cơ sở giáo	1	
XVI	Tường rào xây	2	
..			

Mỹ Lộc, ngày 31 tháng 5
Thủ trưởng đơn vị

Đào Thị Xuyên

UBND PHƯỜNG MỸ LỘC
TRƯỜNG MẦM NON MỸ HƯNG

Biểu mẫu 04

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	41			22	11	3	5		27	1	17	11	
I	Giáo viên	29										14	11	
1	Nhà trẻ	8			5	3				6			2	
2	Mẫu giáo	21			13	8				19		10	9	
II	Cán bộ quản lý	3			3						1	3		
1	Hiệu trưởng	1			1					1		1		
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1	2		
III	Nhân viên	9												
1	Nhân viên văn thư													
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế													
5	Nhân viên khác (Nấu ăn)	6					3	3						
..	Bảo vệ	2				..		2						

Mỹ Lộc, ngày 31 tháng 5 năm 2026

Thư trưởng đơn vị



Đào Thị Xuyên